TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 43/2023/HSST
Ngày: 15- 5- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Linh; Ông Nguyễn Việt Tú;

-Thư ký phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K , tỉnh T .

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh T xét xử C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/HSST ngày 25/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. H V V (Tên gọi khác: không), sinh ngày 07 tháng 07 năm 1988; Tại xã K , huyện K , tỉnh T. Nơi cư trú: khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ ông H V C (đã chết) và Mẹ đẻ: bà Đ T N sinh năm 1959, Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không

Tiền án: Tại Bản án số 37/2022/HSST ngày 21/04/2022, H V V bị TAND huyện H, tỉnh T xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000đ về tội Đánh bạc (thi hành xong án phí và phạt bổ sung ngày 31/01/2023).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 18/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K (Có mặt tại phiên toà).

2. N V V (Tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 11 năm 1986 tại xã K, huyện H, tỉnh T. Nơi cư trú: khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông N V T (đã chết) và Mẹ đẻ: bà H T C , sinh năm 1964. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, Tiền án: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 41/2011/HSST ngày 22/3/2011, bị cáo N V V bị Tòa án nhân dân huyện S , thành phố H , xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là năm năm về tội "Vi phạm quy định về điều khiển

phượng tiện giao thong đường bộ", V đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 18/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K (có mặt tại phiên toà).

3. H V C (Tên gọi khác: không); sinh ngày 28 tháng 08 năm 1986 tại xã K, huyện H, tỉnh T. Nơi cư trú: khu L, xã K, huyện H, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không**;** Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông H V L , sinh năm 1957 và mẹ đẻ: bà N T Đ , sinh năm 1962. Có vợ là H T T , sinh năm 1984 và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018).

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 18/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày ngày 20/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K, (có mặt tại phiên toà).

4. V M N (Tên gọi khác: không), sinh ngày 04 tháng 10 năm 1988 tại xã K, huyện H, tỉnh T. Nơi cư trú: Khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông V V B (đã chết) và mẹ đẻ: bà N T S , sinh năm 1956; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày ngày 20/01/2023. Bị cáo đang tại ngoại tại xã K (có mặt tại phiên toà).

5. H V C (Tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 01 năm 1987 tại xã K, huyện H, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông H V P , sinh năm 1961 và mẹ đẻ: bà L T T , sinh năm 1963; Có vợ là: V T L , sinh năm1988 (Đã ly hôn); Bị cáo có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền sự, Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày ngày 20/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K (có mặt tại phiên toà).

6. T V T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 10 năm 1988 tại xã K huyện H, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông T V H , sinh năm 1964; và mẹ đẻ: bà H T T , sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là: D T N , sinh năm 1991 và có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 26/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày ngày 29/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K (Có mặt tại phiên toà).

7. H Đ L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 05 năm 1997 tại huyện H, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu L, xã K, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông H L S , sinh năm 1971 và mẹ đẻ bà Đ T P , sinh năm 1976; Có vợ là N T P T , sinh năm 2001 và có 01 người con (sinh năm 2020).

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 26/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày ngày 29/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã K (có mặt tại phiên toà).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**: Anh C V T , sinh năm 1974. Địa chỉ: khu L, xã K, H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/01/2023, các bị cáo N V V; H V V, H V C, V M N, H V C; H Đ L, T V T, đều ở khu L, xã K, huyện H, tỉnh T chơi tại quán bi-a của anh Đ V T , ở khu L, xã K, huyện H, tỉnh T. Tại đây, các bị cáo đã cùng rủ nhau đi đến lán trại trên đồi S , thuộc khu L, xã K, huyện H của anh C V T để đánh bạc, hình thức đánh bạc **" ba cây"** sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Đến khoảng gần 21 giờ 20 phút cùng ngày, N V V, H V V, H V C, V M N, H V C, H Đ L và T V T cùng đi lên lán trại của anh C V T . Lúc này ở lán trại không có ai (*anh T không biết việc các bị cáo đến đánh bạc ở lán trại của anh)*. Khi đến lán trại thì V cắm ổ để bật bóng đèn thắp sáng trong lán, sau đó các bị cáo cùng ngồi thành hình vòng tròn trên chiếc mành cọ cũ có sẵn trong lán. V là người mang theo bộ bài tú lơ khơ và cầm chương chia bài ván đầu tiên, thống nhất trống cửa 100.000đ/01ván. Khi đánh bạc các đối tượng không phải nộp tiền hồ cho ai. Hình thức đánh bạc ba cây sát phạt nhau bằng tiền mà các đối tượng trên sử dụng là: Người cầm chương sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ từ quân Át (A) đến quân 9 chia cho mỗi người chơi 03 quân bài. Người chơi cộng điểm 3 quân bài của mình (nếu tổng điểm lớn hơn 10 thì sẽ chỉ tính hàng đơn vị). Sau đó sẽ so điểm với điểm bài của người cầm chương. Người chơi nào có điểm thấp hơn điểm của người cầm chương thì thua bạc. Người chơi nào có điểm cao hơn điểm của người cầm chương thì thắng. Nếu bằng điểm nhau thì so chất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích. Ai được 10 điểm thì cầm chương chia bài ván tiếp theo.

Trước khi tham gia đánh bạc N V V có số tiền là 800.000đồng, H V V có số tiền là 2.800.000đồng, H V C có số tiền là 1.500.000đồng, V M N có số tiền là 1.000.000đồng, H V C có 1.000.000đồng, H Đ L có số tiền là 500.000đồng và T V T có số tiền là 700.000đồng. Các bị cáo sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.300.000đồng.

Các bị cáo đánh bạc liên tục đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị C an xã K phát hiện, bắt quả tang.

Tài sản bị thu giữ tại chỗ: 01 mành cọ đã cũ, 36 quân bài tú lơ khơ và số tiền trên chiếu bạc là 7.200.000đồng. Quá trình bắt quả tang thì V M N, H V C, H Đ L và T V T đã bỏ chạy thoát. Sau đó C an xã K đã nhanh chóng tiến hành

giải người bị bắt đến Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện H và bàn giao hồ sơ ban đầu cùng toàn bộ vật chứng thu giữ theo quy định.

Ngay sau đó cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện H đã tiến hành khám nghiệm hiện T theo quy định. Quá trình khám nghiệm hiện T đã phát hiện và thu giữ các vật chứng: 01 đôi giày giả da màu đen đã cũ, loại giày nam, trên giày có chữ POIOSS; 01 đôi giày giả da màu đen loại giày nam, trên giày có chữ HT-VERDE; 01 đôi giày giả da màu nâu loại giày nam, trên giày có chữ LARK; 01 đôi dép giả da màu đen loại dép nam, trên dép có chữ SAVATO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K màu đen, đã cũ bên trong có gắn 01 sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám bên trong có gắn 01 sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen bên trong có gắn 01 sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số; 01 ví giả da màu nâu đã cũ bên trong có 01 căn cước C dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên H V C; 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên N V V; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đã cũ BKS 19G1-396.89.

Ngày 19/01/2023 bị cáo V M N, bị cáo H V C đã đến C an huyện H để đầu thú và khai nhận về hành vi đánh bạc của bản thân.

Ngày 26/01/2023 bị cáo H Đ L, bị cáo T V T đã đến C an huyện H đầu thú và khai nhận hành về vi đánh bạc của bản thân.

Tại cơ quan điều tra, H Đ L đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng, T V T tự nguyện giao nộp số tiền 600.000đồng. Đây là tiền sử dụng vào đánh bạc mà các bị cáo cầm theo bỏ chạy.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo N V V, H V V, H V C, V M N, H V C, H Đ L và T V T đều đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận với buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ truy tố các bị cáo H V V, N V V , H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L phạm tội "Đánh bạc".

*** Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo V M N, H V C, T V T, H Đ L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V C.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N V V.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V V.

- Tuyên các bị cáo: H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L,

phạm tội: "Đánh bạc".

+ Xử phạt các bị cáo V M N, H V C mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 11(mười một) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho các bị cáo (từ ngày 19/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N, bị cáo C, mỗi bị cáo còn phải chấp hành từ 08 (tám) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày đến 10 (mười) tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt các bị cáo T V T, H Đ L mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho các bị cáo (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023) là 03 (ba) ngày tạm giữ, quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo L, bị cáo T, mỗi bị cáo còn phải chấp hành từ 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày đến 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo H V C từ 10 (mười) tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho bị cáo (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày tạm giữ, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo C còn phải chấp hành hình phạt từ 09 (chín) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày đến 11 (mười một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo N V V 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho bị cáo (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày tạm giữ, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là từ 11 (mười một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày đến 14 (mười bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo N V V, V M N, H V C, T V T, H Đ L, H V C cho UBND xã K giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có tên trên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã K trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo: N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L.

Buộc các bị cáo N , C , L , T , C , V phải thực hiện một số C việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Trong Thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo có tên trên phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo H V V: từ 07 (bẩy) đến 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt còn lại chưa chấp hành xong của Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HSST ngày 21/4/2022 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T là 04 ngày

cải tạo không giam giữ, quy đổi bằng 01 ngày tù. Buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt C cho cả 02 bản án là từ 07 (bẩy) tháng 01 (một) ngày đến 09 (chín) tháng 01 (một) ngày tù, nhưng trừ cho bị cáo 02 ngày tạm giữ (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023), còn lại bị cáo phải chấp hành án từ 06 (sáu) tháng 29 (hai mươi chín) đến 08 (tám) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

[3]. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo: H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy 01 mành cọ đã cũ và 36 quân bài Tú lơ khơ;

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng).

- Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện H đã trả lại cho các bị cáo tài sản như sau:

Bị cáo T V T đã nhận lại tài sản sau: 01 đôi giày giả da màu nâu loại giày nam, trên giày có chữ LARK;

Bị cáo H Đ L đã nhận lại tài sản sau: 01 đôi giày giả da màu đen loại giày nam, trên giày có chữ HT-VERDE và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám bên trong có gắn 01 sim số;

Bị cáo H V C đã nhận lại các tài sản sau: 01 đôi giày giả da màu đen đã cũ, loại giày nam, trên giày có chữ POIOSS và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K màu đen, đã cũ bên trong có gắn 01 sim số;

Bị cáo V M N đã nhận lại tài sản sau: 01 đôi dép giả da màu đen loại dép nam, trên dép có chữ SAVATO;

Bị cáo N V V đã nhận lại các tài sản sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang N V V;

Bị cáo H V C đã nhận lại các tài sản sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu nâu đã cũ bên trong có 01 căn cước C dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cùng 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên H V C;

Bị cáo H V V đã nhận lại các tài sản sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đã cũ BKS 19G1-396.89 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì đối với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2].Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án về thời gian, diễn biến nội dung sự việc, có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 21 giờ 20 phút đến 23 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, tại lán trại của anh C V T ở đồi S thuộc khu L, xã K, huyện H, tỉnh T. Các bị cáo N V V, H V V, H V C, V M N, H V C, H Đ L và T V T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng). Hành vi và số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Do vậy, bản cáo trạng số: 28/2023/CT-VKS-HS ngày 20/04/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo H V V, N V V , H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L, về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau được, thua bằng tiền là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên đây là vụ án đánh bạc đồng phạm mang tính chất giản đơn, tính chất của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến trật tự C cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi T và cuộc sống lành mạnh trong dân cư, bị dư luận xã hội bất bình, lên án, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo

cần phải được xử lý nghiêm.

[4]. Về nhân thân các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải.

4.1. Đối với bị cáo H V V: Tại Bản án số 37/2022/HSST ngày 21/04/2022, H V V bị TAND huyện H, tỉnh T xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000đ về tội " Đánh bạc" *(thi hành xong án phí và phạt bổ sung ngày 31/01/2023).* Đến ngày 18/01/2023, khi đang chấp hành án, bị cáo V lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm.

Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy cần phải cách ly bị cáo V khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

4.2. Đối với bị cáo N V V: Bị cáo có nhân thân. Tại bản án số 41/2011/HSST ngày 22/03/2011, V bị Tòa án nhân dân huyện S , thành phố H N xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội: " Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Đến ngày bị cáo phạm tội mới, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích.

Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy bị cáo đã từng phạm tội nhưng do lỗi vô ý và đã được xóa án tích thời gian đã lâu, xét thấy chưa cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ giáo dục C và phòng ngừa riêng trong xã hội.

4.3. Các bị cáo H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L: Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo N , C , T , L , mỗi bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: các bị cáo N , C , T , L ra đầu thú. Bị cáo C được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N , C , T , L , C , không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, các bị cáo đều có nơi ở rõ ràng, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L, cũng đủ giáo dục C và phòng ngừa riêng trong xã hội. Do các bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo N V V , H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Buộc các bị cáo C, N, C, T, L, V lao động phục vụ cộng đồng.

[6]. Về hình phạt bổ xung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định

"*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng*".

Căn cứ vào tình hình xác minh tài sản và thu nhập thực tế của các bị cáo thể hiện: Các bị cáo đều có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, các bị cáo đều không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo: H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Bị cáo T V T đã nhận lại tài sản là: 01 đôi giày giả da màu nâu loại giày nam, trên giày có chữ LARK;

- Bị cáo H Đ L đã nhận lại tài sản là: 01 đôi giày giả da màu đen loại giày nam, trên giày có chữ HT-VERDE và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám bên trong có gắn 01 sim số;

- Bị cáo H V C đã nhận lại các tài sản là: 01 đôi giày giả da màu đen đã cũ, loại giày nam, trên giày có chữ POIOSS và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K màu đen, đã cũ bên trong có gắn 01 sim số;

- Bị cáo V M N đã nhận lại tài sản là: 01 đôi dép giả da màu đen loại dép nam, trên dép có chữ SAVATO;

- Bị cáo N V V đã nhận lại các tài sản là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang N V V;

- Bị cáo H V C đã nhận lại các tài sản là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu nâu đã cũ bên trong có 01 căn cước C dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cùng 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên H V C;

- Bị cáo H V V đã nhận lại các tài sản là: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đã cũ BKS 19G1-396.89 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số.

Tài sản của các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên ngày 10/3/2023 cơ quan điều tra C an huyện H đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu là phù hợp nên cần xác nhận.

- Đối với số tiền 8.300.000 đồng *(trong đó có 7.200.000 đồng thu trên chiếu bạc, của L là 500.000 đồng, của T là 600.000 đồng)*, đây là khoản tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 mành cọ đã cũ là tài sản của gia đình anh T nhưng anh T không có ý kiến xin lại. Do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 36 quân bài tú lơ khơ, đây là vật chứng của vụ án, các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36

Bộ luật hình sự đối với các bị cáo V M N, H V C, T V T, H Đ L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V C.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N V V.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H V V.

[2]. Tuyên bố các bị cáo H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L, phạm tội "Đánh bạc".

+Xử phạt các bị cáo V M N, H V C mỗi bị cáo 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho bị cáo N, bị cáo C (từ ngày 19/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N, bị cáo C mỗi bị cáo còn phải chấp hành là 09 (chín) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+Xử phạt bị cáo T V T, H Đ L mỗi bị cáo 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ cho bị cáo Thủy, bị cáo L (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023) là 03 ngày tạm giữ, quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo L, bị cáo T mỗi bị cáo còn phải chấp hành là 07 (bẩy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo H V C 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo C còn phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Xử phạt bị cáo N V V 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023) là 02 ngày, quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo V còn phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan THA hình sự C an huyện H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo N V V, H V C, T V T, H Đ L, H V C, V M N cho UBND xã K giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo trên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã K trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Buộc các bị cáo N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Trong thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo V, C, N, C, T, L phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo H V V 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành xong của Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HSST ngày 21/4/2022 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T là 04 (bốn) ngày cải tạo không giam giữ, được quy đổi bằng 01 (một) ngày tù. Buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt C cho cả hai bản án là 08 (tám) tháng 01 (một) ngày tù nhưng trừ cho bị cáo V 02 (hai) ngày tạm giữ (từ ngày 18/01/2023 đến ngày 20/01/2023). Còn lại bị cáo V phải chấp hành 07 (bẩy) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mành cọ đã cũ và 36 quân bài Tú lơ khơ.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.300.000đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đến cơ quan thi hành án dân sự huyện H ngày 21/4/2023).

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện H đã trả lại tài sản cho các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo T V T đã nhận tài sản là: 01 đôi giày giả da màu nâu loại giày nam, trên giày có chữ LARK; Bị cáo H Đ L đã nhận tài sản là: 01 đôi giày giả da màu đen loại giày nam, trên giày có chữ HT-VERDE và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám bên trong có gắn 01 sim số; Bị cáo H V C đã nhận các tài sản là: 01 đôi giày giả da màu đen đã cũ, loại giày nam, trên giày có chữ POIOSS và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K màu đen, đã cũ bên trong có gắn 01 sim số; Bị cáo V M N đã nhận tài sản là: 01 đôi dép giả da màu đen loại dép nam, trên dép có chữ SAVATO; Bị cáo N V V đã nhận tài sản là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang N V V; Bị cáo H V C đã nhận các tài sản là: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen bên trong có gắn 01 sim số và 01 ví giả da màu nâu đã cũ bên trong có 01 căn cước C dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cùng 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên H V C; Bị cáo H V V đã nhận các tài sản là: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đã cũ BKS 19G1-396.89 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh bên trong có gắn 01 sim số.

[5].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo H V V, N V V, H V C, V M N, H V C, T V T, H Đ L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trọng thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết C khai./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- C an H. K
- Sở tư pháp tỉnh T ;
- THA- HS;
- THA-DS;
- Các bị cáo;
- UBND xã K ;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo